

Kronos LV-T	
Loạn nhịp phát hiện	nhịp chậm, nhịp sinh lý, VT-1, VT-2, VF
Độ nhạy nhĩ/thất	tự động
Phát hiện và tái phát hiện nhịp nhanh thất	
Tiêu chuẩn	number of intervals, onset, stability, SMART, persistent VT
Chu kỳ thời gian VT	off , 270 ... (10) ... 600 ms for VT-1; off , 270 ... (10) ... 500 ms for VT-2
Số chu kỳ phát hiện và tái phát hiện	10 .. (2).. 16 .. (2) .. 30 for VT-1; 10 .. (2).. 14 ..(2) .. 30 for VT-2;
Tiêu chuẩn kích phát (onset)	off , 4 ... (4) ... 32%
Tiêu chuẩn độ vững (Stability)	off , 8 ... (4) ... 8 ms; với SMART 4 ..(4) .. 24%
Nhịp nhanh kéo dài (sustained VVT)	off , 0.5, 1.0, 2.0, 3.0, 5 ... (5) ... 30 min
SMART detection	off , on
SMARTredetection	off , on
Phát hiện và tái phát hiện rung thất	
Chu kỳ thời gian VF	off ; 200 ... (10) .. 300 .. (1) ... 400 ms
Tiêu chuẩn phát hiện	X out of Y
Số chu kỳ để phát hiện/tái phát hiện rung thất	6 ... (1).. 8 .. 30 out of 8 ... (1) ... 12 ... 31
Phát hiện kết thúc	
Tiêu chuẩn	12 out of 16 intervals slower than VT-1
Bước kết thúc	off , 1 ... (1) ... 15 min
Thông số tạo nhịp	
Phương thức	DDD, DDI, VDD, VDI, AAI, VVI, DDDR, DDIR, VDDR, VDIR, VDIR,AAIR, VVIR, OFF
Cấu hình tạo nhịp thất	RV, BIV
Khởi kích	OFF ; ON
Biên độ xung nhĩ/thất	0.2 ... (0.1).. 2.8 ...6.2, 7.5V
Độ rộng xung nhĩ/thất	0.5 .. (0.5) ... 1.5 ms
Nhịp cơ bản	30 .. (5) .. 60 .. (5) ... 160 ppm
Hiện tượng trễ nhịp	OFF , -5 ... (-5) ... -60 ppm
Thời gian nhĩ-thất năng động	15, 80 ... (10) .. 150 ... (10) .. 350 ms
Nhịp theo dõi tốt đa (upper tracking rate)	90 ... (10).. 130 .. (10).. 160 bpm
Đổi phương cách (mode switching)	DDD(R), DDI , DDIR, VDD(R)VDI(R)
Nhịp căn bản trong thời gian đổi phương cách tạo nhịp	30 .. (5) .. 70 .. (5) ... 155 ppm
Thời gian nhĩ-thất	off , 10 ... (10) .. 100 ms
Thời gian trở nhĩ sau thất (PVARP)	200 ... (50).. 300 .. (50) ... 500 ms
PVARP kéo dài	0.. (25) .. 100 .. (25) .. 275 ms
Phòng nhịp nhanh do bởi máy (PMT)	off , on
Thông số bộ phận nhảy	
Nhịp tối đa với bộ phận nhảy	80 ... (5) .. 120 ..(5)... 160 ppm
Tăng nhịp	1, 2, 4 8 ppm/s
Hạ nhịp	0.1, 0.2, 0.4 , 0.8 ppm/s
Khuếch đại bộ phận nhảy	1... 6 ... 40
Khuếch đại tự động	off , on
Ngưỡng bộ phận nhảy	very low, low, medium , high, very high
Điều trị nhịp nhanh	
Các kích thích chống nhịp nhanh	Burst, Ramp, Burst +PES
kênh kích thích	RV , bIV
số lần	1... (1)... 3 .. (1) ... 10, off
Số S1	1 ... (1)... 5 ... (1) ... 10
Cộng S1	Off, on
Thời gian R-S1	cố định; 200 .. (10) .. 500 ms; tương đối: 70 .. (5) .. 80 .. (5) .. 95%
Độ giảm ramp	5, 10 .. (50) .. 40 ms
Độ giảm scan	Off ; 5 .. (5) ... 40 ms
Thời gian S1-S2	cố định; 200 .. (10) .. 500 ms; tương đối: 70 .. (5) .. 95%
Thời gian tối thiểu giữa các xung	200 ... (5) ... 300 ms
Điều trị chuyển nhịp và phá rung	
Số sốc	VT zones: off , 1...(1) ... 8; VF zone: 6,7, 8
Loại sốc	biphasic; biphasic2
Cực tính	normal , reverse
Năng lượng	sốc đầu và thứ nhì: 1 ... (1) ... 11, ... 30 J; sốc 3 đến n: 30 J
Chứng thực (từng vùng)	sốc 1: on , off; sốc 2: on, off ; sốc 3 đến n: off
Tạo nhịp sau sốc	off , 10 ... (10) ... 50 s; 1 ... (1) ... 10 min
Phích dây điện cực	

Tạo nhịp/ nhận cảm	IS-1 bipolar (2x)/ IS-1 unipolar (1x)
sốc	DF-1 (2x)
Chức năng chẩn đoán	
Holter	
Holter điện tim	30 phút maximum/mỗi kênh
Kênh	RV; (RA+RV)
Thời gian ghi cho mỗi cơn	1, 2, 4 phút
Thời gian tiền sử mỗi cơn	10, 14, ... (4) .. 50 s
Ghi điện tim khi nhịp nhanh trên thất	off. Detection, detection+termination
Ghi nhịp	4, 7, 15, 30, 60 phút, 24 giờ
Các nhịp	PP, PR, RP, RR
Ghi lại nhịp với nhịp nhanh trên thất	off, on
Holter sốc	ngày/giờ/năng lượng/thời gian sạc/ trở kháng
Thông kê	
Thông kê các khoảng thời gian	event counter (eg. Delivered CRT ventricular pacing (%)), atrial and ventricular rate histogram
Loạn nhịp phát hiện	số chuyển phương cách, thời gian CPC, số trung bình ngoại tâm thu thất /giờ
Bộ phận nhạy	histogram
CRT	hoạt động bệnh nhân, nhịp tim trung bình, nhịp tim trung bình khi nghỉ
Hộp máy	
Kích thước	70x55x13mm
Khối lượng/ trọng lượng	41 cc/ 75 g
Dấu hiệu X-quang	FL
Kim loại	Titanium
Nguồn điện	6,3V 830 mAh @ 600 KΩ
Chức năng T(elemonitoring)	Máy có chức năng theo dõi từ xa (Telemonitoring) qua hệ thống điện thoại. Chức năng này không dùng ở Việt Nam.